TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: **29**/2026/KDTM-ST
Ngày 03-4-2026
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Trinh**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Huỳnh Thanh Trà**
Ông **Hoàng Minh Trinh**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Khánh Bình** - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thanh Vân** - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 46/2025/TLST-KDTM ngày 04 tháng 12 năm 2025 về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng và tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2026/QĐXXST-KDTM ngày 04 tháng 02 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2026/QĐST-KDTM ngày 04 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP L1 (L2). Địa chỉ: Số H ngõ A, đường T, phố A, phường H, tỉnh Ninh Bình.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Quốc K – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Lê Thành Đ – Cán bộ Ngân hàng và bà Phan Thị Thanh L – Cán bộ Ngân hàng (Theo Quyết định số 459/2025/UQ-LPBank.ĐNA ngày 16/10/2025 của Giám đốc Chi nhánh Đ1 - Ngân hàng TMCP L1). Địa chỉ liên hệ: A N, phường H, thành phố Đà Nẵng. *Bà L có mặt, ông Đ vắng mặt.*

- *Bị đơn:* Công ty cổ phần V; Địa chỉ: Số A L, phường H, TP Đà Nẵng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hoàng H – Chức danh: Tổng giám đốc. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng TMCP L1 – đại diện theo ủy quyền là ông Lê Thành Đ trình bày:**

1. Quá trình ký kết hợp đồng tín dụng:

Để phục vụ mục đích: Bổ sung vốn lưu động/phát hành bảo lãnh phục vụ hoạt động kinh doanh của Bên được cấp tín dụng và Thẻ tín dụng tiêu dùng.

Ngân hàng TMCP L1 (Sau đây gọi tắt là L2) – Chi nhánh Đ1 đã ký kết Hợp đồng cho vay với Công ty Cổ Phần V các Hợp đồng vay vốn, cụ thể như sau:

1.1 Hợp đồng tín dụng số HDTD41020220187 ngày 07/07/2022; Phụ lục Hợp đồng tín dụng số PL.01- HDTD41020220187 ngày 07/02/2023; Phụ lục Hợp đồng tín dụng số PL.02- HDTD41020220187 ngày 31/03/2023, chi tiết như sau:

- Số tiền vay theo hạn mức: 10.000.000.000 đồng (Mười tỷ đồng).

- Mục đích sử dụng hạn mức: Bổ sung vốn lưu động/phát hành bảo lãnh phục vụ hoạt động kinh doanh của Bên được cấp tín dụng.

- Thời hạn cho vay là: 09 tháng.

- Lãi suất cho vay: 11.65%/năm và 10.65%/năm.

- Lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

- Lãi suất nợ lãi chậm trả do hai bên thỏa thuận bằng 10%/năm.

- Phương thức điều chỉnh lãi suất: Áp dụng lãi suất theo phương thức thả nổi, điều chỉnh định kỳ 03 tháng/1 lần vào ngày 01 và ngày thay đổi đầu tiên là ngày 01/07/2023. Lãi suất được điều chỉnh định kỳ theo quy định của Ngân hàng theo công thức sau:

LScv= LSCS + 3.8%/năm

- Kỳ hạn trả nợ gốc: Gốc trả cuối kỳ theo từng Khế ước nhận nợ hoặc ngay khi có nguồn thu.

- Kỳ hạn trả lãi: Trả lãi vào ngày 25 hàng tháng theo dư nợ thực tế. Ngày trả nợ cụ thể theo thời gian ghi trên Hợp đồng tín dụng cụ thể/Giấy đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ/KƯNN.

- Phí trả nợ trước hạn: Miễn phí.

- Các nội dung sửa đổi bổ sung tại các Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng.

L2 đã giải ngân cho Công ty Cổ phần V theo Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 41020220187/003 ngày 08/03/2023, Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 41020220187/004 ngày 14/04/2023, Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 41020220187/005 ngày 12/05/2023 với tổng số tiền là: 9.373.478.322 đồng theo đúng yêu cầu của khách hàng và phù hợp với Hợp đồng tín dụng.

1.2 Giấy đề nghị phát hành kiêm Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 25/06/2021, chi tiết như sau:

- Hạn mức tín dụng số tiền là: 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

- Trả lãi, trả phí: theo thỏa thuận của khách hàng và L2 tại Giấy đề nghị phát hành kiêm Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 25/06/2021. Khách hàng đồng ý và cam kết tuân thủ và đồng ý " Các điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng" được công bố trên Website của Ngân hàng.

Ngày 25/06/2021, L2 đã cấp thẻ tín dụng cho Công ty Cổ phần V theo hạn mức tín sử dụng số tiền là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) theo đúng yêu cầu của khách hàng và phù hợp với Giấy đề nghị phát hành kiêm Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 25/06/2021.

Tổng số tiền L2 đã giải ngân cho Công ty Cổ phần V theo các Hợp đồng tín dụng: theo Hợp đồng tín dụng số HDTD41020190355 ngày 26/07/2019, Phụ lục hợp đồng tín dụng số PL01- HDTD41020190355 ngày 28/05/2020, Phụ lục Hợp đồng tín dụng số PL02- HDTD41020190355 ngày 18/11/2020, Phụ lục Hợp đồng tín dụng số PL03- HDTD41020190355 ngày 18/03/2021, Phụ lục Hợp đồng tín dụng số PL04- HDTD41020190355 ngày 19/08/2021; Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ số HDTD41020210266 ngày 26/11/2021; Hợp đồng tín dụng số HDTD41020220221 ngày 19/09/2022 và cấp hạn mức tín dụng theo Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 13/10/2022 tổng số tiền 9.573.478.322 đồng theo đúng yêu cầu của khách hàng và phù hợp với Hợp đồng tín dụng.

2. Thực hiện Hợp đồng tín dụng:

L2 đã giải ngân cho Công ty cổ phần V tổng số tiền 9.573.478.322 đồng theo đúng yêu cầu của khách hàng và phù hợp với Hợp đồng tín dụng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty Cổ phần V đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ phát sinh. Các khoản vay theo các Hợp đồng đã ký kết đã bị chuyển sang nợ quá hạn kể từ ngày 25/07/2023. L2 đã đôn đốc, tạo điều kiện nhiều lần để Công ty Cổ phần V trả nợ nhưng Công ty Cổ phần V không thực hiện đầy đủ toàn bộ nghĩa vụ trả nợ tại L2.

Cũng trong quá trình giải quyết khoản nợ vay, L2 đã hỗ trợ và chấp thuận theo sự tự nguyện bàn giao tài sản của Công ty Cổ phần V và chủ tài sản bảo đảm của khoản vay để nhận xử lý thu hồi khoản nợ vay, sau khi xử lý xong tài sản bảo đảm để thu hồi khoản nợ, L2 đã thông báo và tiếp tục tạo điều kiện cho Công ty Cổ phần V tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ còn lại nhưng L2 không nhận được sự hợp tác và/hoặc thiện chí nào về việc tiếp tục trả khoản nợ còn lại, Công ty Cổ phần V vẫn cố tình vi phạm, không thực hiện theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng đã ký, các văn bản cam kết thực hiện và theo các quy định của pháp luật.

Tạm tính đến ngày 03/04/2026, Công ty Cổ phần V còn nợ L2 số tiền 5.055.650.170 đồng *(Năm tỷ, không trăm năm mươi lăm triệu, sáu trăm năm mươi nghìn, một trăm bảy mươi đồng)*; cụ thể: (*ĐVT: Đồng*)

TT	Hợp đồng tín dụng	Nợ gốc	Nợ lãi	Nợ lãi chậm trả	Nợ phí thuế	Cộng
	HDTD41020220187	620.787.906	691.558.247	3.344.106.756	-	4.656.452.909
	Thẻ tín dụng	180.964.263	215.224.623	-	3.008.375	399.197.261
Tổng		*801.752.169*	*906.782.870*	*3.344.106.756*	*3.008.375*	*5.055.650.170*

Xét thấy, hiện nay khoản vay của Công ty Cổ phần V đã vi phạm nghiêm trọng cam kết về thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng cho vay với L2. Do đó, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của mình, Ngân hàng TMCP L1 kính đề nghị Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Đà Nẵng đưa vụ án ra xét xử giải quyết các yêu cầu sau:

- Buộc Công ty Cổ phần V1 thanh toán cho Ngân hàng TMCP L1 (tên viết tắt là L2) ngay sau khi Bản án/Quyết định có hiệu lực pháp luật, số tiền tạm tính đến ngày 03/04/2026 số tiền là: **5.055.650.170 đồng** *(Năm tỷ, không trăm năm mươi lăm triệu, sáu trăm năm mươi nghìn, một trăm bảy mươi đồng)*; cụ thể: (*ĐVT: Đồng*)

TT	Hợp đồng tín dụng	Nợ gốc	Nợ lãi	Nợ lãi chậm trả	Nợ phí thuế	Cộng
	HDTD41020220187	620.787.906	691.558.247	3.344.106.756	-	4.656.452.909
	Thẻ tín dụng	180.964.263	215.224.623	-	3.008.375	399.197.261
Tổng		*801.752.169*	*906.782.870*	*3.344.106.756*	*3.008.375*	*5.055.650.170*

- Đề nghị quý Tòa tiếp tục tính lãi, lãi quá hạn kể từ ngày 04/04/2026 cho đến khi Công ty Cổ phần V thanh toán xong toàn bộ các khoản nợ theo quy định tại các Hợp đồng tín dụng và các Giấy đề nghị giải ngân kiêm khê ước nhận nợ đã ký (Chi tiết xem tại: Hợp đồng tín dụng số HDTD41020220187 ngày 07/07/2022; Phụ lục Hợp đồng tín dụng số PL.01- HDTD41020220187 ngày 07/02/2023; Phụ lục Hợp đồng tín dụng số PL.02- HDTD41020220187 ngày 31/03/2023; Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 41020220187/003 ngày 08/03/2023, Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 41020220187/004 ngày 14/04/2023, Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 41020220187/005 ngày 12/05/2023 và Giấy đề nghị phát hành kiêm Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 25/06/2021).

**** Bị đơn Công ty cổ phần V – đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Hoàng H đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án để giải quyết và cũng không có văn bản trình bày ý kiến.***

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đà Nẵng:

- Về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng: Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay Thẩm phán, HĐXX và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, việc giải quyết vụ án được thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự, đảm bảo cho các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Quá trình tòa án thụ lý giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là Công ty cổ phần V2 chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP L1:

+ Buộc Công ty Cổ phần V phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP L1 số tiền tính đến ngày 03/04/2026 là: 5.055.650.170 đồng *(Năm tỷ không trăm năm mươi lăm triệu sáu trăm năm mươi nghìn một trăm bảy mươi đồng)*; cụ thể:

+ Buộc Công ty Cổ phần V tiếp tục thanh toán lãi phát sinh từ ngày 04/04/2026 cho đến khi Công ty Cổ phần V thanh toán xong toàn bộ các khoản nợ theo quy định tại các Hợp đồng tín dụng và các Giấy đề nghị giải ngân kiêm khê ước nhận nợ đã ký (Hợp đồng tín dụng số HDTD41020220187 ngày 07/07/2022; Phụ lục Hợp đồng tín dụng số PL.01- HDTD41020220187 ngày 07/02/2023; Phụ lục Hợp đồng tín dụng số PL.02- HDTD41020220187 ngày 31/03/2023; Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 41020220187/003 ngày 08/03/2023, Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 41020220187/004 ngày 14/04/2023, Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 41020220187/005 ngày 12/05/2023 và Giấy đề nghị phát hành kiêm Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 25/06/2021).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp về hợp đồng tín dụng giữa nguyên đơn là Ngân hàng TMCP L1 với bị đơn là Công ty Cổ phần V; địa chỉ trụ sở: Số L, phường H, TP Đà Nẵng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải: Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đà Nẵng đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại các Điều 208, 209, 210 và 211 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn không xuất trình thêm chứng cứ mới.

[1.3] Bị đơn là Công ty Cổ phần V được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự nhưng trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa Công ty Cổ phần V vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xử vắng mặt Công ty Cổ phần V.

[2] Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng cung cấp có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định:

[2.1] Theo Hợp đồng tín dụng số HDTD41020220187 ngày 07/07/2022; Phụ lục Hợp đồng tín dụng số PL.01- HDTD41020220187 ngày 07/02/2023; Phụ lục Hợp đồng tín dụng số PL.02- HDTD41020220187 ngày 31/03/2023 thì Ngân hàng TMCP L1 cho Công ty Cổ phần V vay theo hạn mức: 10.000.000.000 đồng (Mười tỷ đồng); mục đích sử dụng hạn mức: Bổ sung vốn lưu động/phát hành bảo lãnh phục vụ hoạt động kinh doanh của bên được cấp tín dụng; thời hạn cho vay là: 09 tháng; lãi suất cho vay: 11,65%/năm và 10,65%/năm; lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; lãi suất nợ lãi chậm trả do hai bên thỏa thuận bằng 10%/năm.

Theo giấy đề nghị phát hành kiêm Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 25/06/2021 thì Ngân hàng TMCP L1 cấp Công ty Cổ phần V hạn mức tín dụng số tiền là: 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng); lãi suất trong hạn 28%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn.

Xét thấy, các bên tham gia ký kết hợp đồng đều có đủ năng lực hành vi dân sự, trên cơ sở tự nguyện, nội dung và mục đích để thực hiện nhu cầu của mỗi bên, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, hợp đồng tín dụng và hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng giữa Ngân hàng TMCP L1 và Công ty Cổ phần V có hiệu lực pháp luật và buộc các bên phải thực hiện đúng quyền nghĩa vụ của mình theo hợp đồng.

[2.2] Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP L1 về việc yêu cầu Công ty Cổ phần V thanh toán số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số HDTD41020220187 ngày 07/07/2022; Phụ lục Hợp đồng tín dụng số PL.01- HDTD41020220187 ngày 07/02/2023; Phụ lục Hợp đồng tín dụng số PL.02- HDTD41020220187 ngày 31/03/2023:

Tại Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 41020220187/003 ngày 08/03/2023 thì số tiền giải ngân là 1.650.000.000 đồng, Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 41020220187/004 ngày 14/04/2023 thì số tiền giải ngân là 6.508.478.322 đồng, Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 41020220187/005 ngày 12/05/2023 thì số tiền giải ngân là 1.215.000.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền Công ty Cổ phần V đã nhận nợ là 9.373.478.322 đồng (Chín tỷ ba trăm bảy mươi ba triệu bốn trăm bảy mươi tám ngàn ba trăm hai mươi hai đồng). Ngân hàng TMCP L1 đã hỗ trợ và chấp thuận theo sự tự nguyện bàn giao tài sản của Công ty Cổ phần V và chủ tài sản bảo đảm của khoản vay để nhận xử lý thu hồi khoản nợ vay. Tổng số tiền Công ty Cổ phần V đã thanh toán là 9.111.080.846 đồng; trong đó: số tiền gốc là 8.752.690.416 đồng, số tiền lãi là 358.390.430 đồng.

HĐXX xét thấy, Ngân hàng TMCP L1 tiến hành giải ngân đầy đủ, đúng hạn, hiện nay khoản vay đã đến hạn thanh toán nhưng Công ty Cổ phần V không thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền còn nợ nên Ngân hàng TMCP L1 khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc Công ty Cổ phần V thanh toán nợ là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Đối với lãi suất áp dụng, căn cứ bảng tính lãi do Ngân hàng TMCP L1 cung cấp và theo sự thỏa thuận của các bên tại hợp đồng cấp hạn mức tín dụng xét thấy mức lãi suất là phù hợp với các quy định của pháp luật về hoạt động của các tổ chức tín dụng tại khoản 5 Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 100 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024, sửa đổi bổ sung năm 2025. Như vậy, Công ty Cổ phần V phải tiếp tục trả cho Ngân hàng TMCP L1 số tiền còn nợ tính đến ngày 03/4/2026 là 4.656.452.909 đồng, trong đó: Nợ gốc: 620.787.906 đồng, lãi trong hạn là 691.558.247 đồng, lãi quá hạn là 3.344.106.756 đồng. Ngoài ra, Công ty Cổ phần V phải tiếp tục trả cho Ngân hàng TMCP L1 số tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng kể từ ngày 04/4/2026 cho đến khi trả hết nợ.

[2.3] Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP L1 về việc yêu cầu Công ty Cổ phần V thanh toán số tiền còn nợ theo giấy đề nghị phát hành kiêm Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 25/06/2021:

Sau khi kích hoạt thẻ, Công ty Cổ phần V đã thực hiện 13 giao dịch với tổng số tiền 180.694.263 đồng nhưng không thực hiện nghĩa vụ thanh toán, vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 3, Điều 5 và Điều 7 của Bản Điều khoản, điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng. Do đó, ngày 25/7/2023, Ngân hàng TMCP L1 đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo khoản 3 Điều 9 của Bản Điều khoản, điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng; khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc Công ty Cổ phần V thanh toán nợ là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Đối với lãi suất áp dụng, HĐXX xét thấy số tiền lãi tại bảng tính lãi do Ngân hàng TMCP L1 cung cấp là đúng với sự thỏa thuận của các bên tại hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (Bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản Điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng) và phù hợp với các quy định của pháp luật về hoạt động của các tổ chức tín dụng tại khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017; khoản 2 Điều 100 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024, sửa đổi bổ sung năm 2025; Điều 280, Điều 351 của Bộ luật Dân sự; điểm b khoản 1 Điều 14 Nghị định 101/2012/NĐ-CP ngày 22/11/2012 của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt; Nghị định số 52/2024/NĐ-CP ngày 15/5/2024 của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như vậy, Công ty Cổ phần V phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP L1 số tiền tính đến ngày 03/4/2026 là 399.197.261 đồng; trong đó: số tiền gốc là 215.224.623 đồng, nợ phí là 3.008.375 đồng. Đồng thời, Công ty Cổ phần V phải thanh toán lãi phát sinh theo hợp đồng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản Điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng) từ ngày 04/4/2026 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Tổng số tiền Công ty Cổ phần V phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP L1 là 5.055.650.170 đồng.

[2.4] Bị đơn, Công ty Cổ phần V đã được Toà án thông báo về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP L1 trong thông báo thụ lý và nội dung những vấn đề hoà giải trong các thông báo hoà giải nhưng đã không có ý kiến, không xuất trình tài liệu, chứng cứ chứng minh đã trả số tiền còn nợ Ngân hàng TMCP L1, cũng như không phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử công nhận việc Công ty Cổ phần V nợ Ngân hàng TMCP L1 là có cơ sở.

[3] Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đà Nẵng tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[4] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty Cổ phần V phải chịu án phí đối với số tiền phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP L1 là 5.055.650.170 đồng: 112.000.000 đồng + 1.055.650.170 đồng x 0,1% = 113.055.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 92, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 235, Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 280, Điều 351, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Khoản 15 Điều 4; Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 100 Luật Các tổ chức tín dung năm 2024, sửa đổi bổ sung năm 2025;

- Nghị định 101/2012/NĐ-CP ngày 22/11/2012 của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt; Nghị định số 52/2024/NĐ-CP ngày 15/5/2024 của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt;

- Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng N về hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận;

- Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Thống đốc Ngân hàng N quy định về hoạt động thẻ ngân hàng; Thông tư số 18/2024/TT-NHNN ngày 28/6/2024 của Thống đốc Ngân hàng N quy định về hoạt động thẻ ngân hàng;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

I. Chấp toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP L1.

Buộc Công ty Cổ phần V phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP L1 số tiền gốc và lãi tính đến ngày 03/4/2026 là 5.055.650.170 đồng (Năm tỷ không trăm năm mươi lăm triệu sáu trăm năm mươi nghìn một trăm bảy mươi đồng); trong đó:

- Hợp đồng tín dụng số HDTD41020220187 ngày 07/07/2022: Số tiền gốc là 620.787.906 đồng, lãi trong hạn là 691.558.247 đồng, lãi quá hạn là 3.344.106.756 đồng, tổng cộng là 4.656.452.909 đồng.

- Giấy đề nghị phát hành kiêm Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 25/06/2021: Số tiền gốc là 215.224.623 đồng, nợ phí là 3.008.375 đồng, tổng cộng là 399.197.261 đồng.

Công ty Cổ phần V phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh kể từ ngày 04/4/2026 theo mức lãi suất được thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và các Giấy đề nghị giải ngân kiêm khê ước nhận nợ đã ký (Hợp đồng tín dụng số HDTD41020220187 ngày 07/07/2022; Phụ lục Hợp đồng tín dụng số PL.01- HDTD41020220187 ngày 07/02/2023; Phụ lục Hợp đồng tín dụng số PL.02- HDTD41020220187 ngày 31/03/2023; Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 41020220187/003 ngày 08/03/2023, Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 41020220187/004 ngày 14/04/2023, Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 41020220187/005 ngày 12/05/2023 và Giấy đề nghị phát hành kiêm Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 25/06/2021).

II. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty Cổ phần V phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 113.055.000 đồng (Một trăm mười ba triệu không trăm năm mươi lăm ngàn đồng).

- Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP L1 số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 56.474.114 đồng (Năm mươi sáu triệu bốn trăm bảy mươi bốn ngàn một trăm mười bốn đồng) theo biên lai số 0006638 ngày 04 tháng 12 năm 2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

III. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 06, 07, 07a và 09 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 1 – Đà Nẵng;
- Chi cục THADS khu vực 1 – Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Trinh